

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG**

Bản án số: 134/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 29/3/2019

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Hậu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Bờ.

2. Ông Huỳnh Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Quang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện châu Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 573/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Đ, sinh năm 1980; nơi cư trú: Tổ 06, ấp T L, xã T L, huyện T B, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Anh Đỗ Văn N E, sinh năm 1975; nơi cư trú: Tổ 13, ấp BT, xã BP, huyện CP, tỉnh An Giang.

(Chị Đ có mặt, anh N E vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Đ trình bày ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Chị và anh Đỗ Văn N E do mai mối và sau một thời gian tìm hiểu nên tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2004 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Lợi, huyện Tịnh Biên. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, tuy nhiên sau đó thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và còn do anh N E có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác bên ngoài, nên vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi, chị đã nhiều lần hàn gắn với ông N E nhưng mâu thuẫn vẫn diễn ra và ngày trở nên trầm trọng, hiện vợ

chồng đã sống ly thân từ năm 2011 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn nên chị yêu cầu ly hôn với anh N E.

- Về con chung: Có 01 người con chung tên Trần Minh T, sinh ngày 14/03/2006, hiện con chung đang sống với chị Đ. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh N E cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

* Bị đơn anh Đỗ Văn N E vắng mặt tại phiên tòa.

* Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ giai đoạn thụ lý đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn đều thực hiện tuân theo pháp luật tố tụng. Tuy nhiên, đối với bị đơn vắng mặt phiên họp và tại phiên tòa không lý do là không tuân theo pháp luật tố tụng. Về quan điểm giải quyết vụ án đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú nhận thấy yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận. Về con chung giao cho chị Đ tiếp tục nuôi dạy, về cấp dưỡng do chị Đ không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp:

Căn cứ vào đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo thì vụ án thuộc quan hệ về tranh chấp hôn nhân và gia đình, cụ thể chị Đ yêu cầu xin ly hôn với anh N E và xin nuôi dạy con chung. Về phần tài sản chung và nợ chung không có, do vậy Tòa án thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Do đây là loại kiện về tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện mà cụ thể là Tòa án nhân dân huyện Châu Phú do bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn huyện Châu Phú theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về trình tự và thủ tục khởi kiện:

Xét đây là vụ án không bắt buộc phải thông qua hòa giải cơ sở, nên chị Đ làm đơn khởi kiện trực tiếp ra Tòa án vẫn hợp lệ.

[1.4] Về thủ tục tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự theo đúng quy định, tuy nhiên do anh N E cố tình vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh N E là đúng theo quy định tại Điều 227 và Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Giữa chị Trần Thị Đ và anh Đỗ Văn N E được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn đúng theo quy định, nên xem đây là hôn nhân hợp pháp, do vậy tại phiên tòa hôm nay, chị Đ xin ly hôn, anh N E vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa chị Đ và anh N E

thực sự đã đổ vỡ, mục đích hôn nhân không đạt được, thể hiện qua việc vợ chồng không còn quan tâm lẫn nhau và đã sống ly thân từ năm 2011 cho đến nay, hơn nữa trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh N E tham gia phiên hòa giải để vợ chồng hàn gắn, nhưng anh N E vẫn cố tình vắng mặt, điều này thể hiện anh N E không muốn đoàn tụ gia đình, do vậy việc chị Đ xin ly hôn với anh N E là có cơ sở, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Có 01 người con chung tên Trần Minh T, sinh ngày 14/03/2006, hiện con chung đang sống với chị Đ, chị Đ xin tiếp tục nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay cháu T đang sống ổn định với chị Đ và theo ý kiến trình bày của cháu T cũng có yêu cầu được sống chung với chị Đ, do vậy Hội đồng xét xử xét giao cháu T cho chị Đ tiếp tục nuôi dạy là hợp lý.

[2.3] Về cấp dưỡng: Do chị Đ không yêu cầu anh N E cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đ khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.5] Về án phí: Chị Đ phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; số tiền án phí chị Đ phải chịu nói trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0010194 ngày 03/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, chị Đ đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 233, Điều 335 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 19, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Đ đối với anh Đỗ Văn N E.

- Về con chung: Giao con chung tên Trần Minh T, sinh ngày 14/03/2006 cho chị Đ tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh N E được quyền thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của đương sự hoặc cá nhân, tổ chức thì Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về cấp dưỡng: Chị Đ không yêu cầu anh N E cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đ khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Chị Đ phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0010194 ngày 03/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, chị Đ đã nộp đủ.

- Về quyền kháng cáo: Chị Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh N E có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- Chi cục THADS huyện Châu Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phước Hậu